

## Vận tải hàng hóa của địa phương tháng 01 năm 2020

|                                           | Thực hiện 12 tháng năm 2019 | Ước tính tháng 01/2020 | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo | Tháng 01/2020 so với tháng 01/2019 | Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%) |
|-------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| <b>Vận chuyển hàng hóa (Nghìn tấn.km)</b> | <b>288.2</b>                | <b>290.2</b>           | <b>290.2</b>                            | <b>103.90</b>                      | <b>103.90</b>                                                        |
| Đường bộ                                  | 288.2                       | 290.2                  | 290.2                                   | 103.90                             | 103.90                                                               |
| Đường sắt                                 | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |
| Đường thủy                                | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |
| Đường hàng không                          | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |
| <b>Lưu chuyển hàng hóa (Nghìn tấn.km)</b> | <b>19,796.8</b>             | <b>20,052.2</b>        | <b>20,052.2</b>                         | <b>105.48</b>                      | <b>105.48</b>                                                        |
| Đường bộ                                  | 19,796.8                    | 20,052.2               | 20,052.2                                | 105.48                             | 105.48                                                               |
| Đường sắt                                 | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |
| Đường thủy                                | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |
| Đường hàng không                          | -                           | -                      | -                                       | -                                  | -                                                                    |